

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

PLC GREASE L-EP 0 (Mỡ đa dụng chịu áp gốc Lithium)

Số CAS: Không áp dụng cho hỗn hợp

Số UN: Chưa có thông tin

Số đăng ký EC: Chưa có thông tin

Mã sản phẩm: 0810-060



PETROLIMEX

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

Tên thường gọi: Mỡ PLC GREASE L-EP 0

Tên thương mại: Mỡ PLC GREASE L-EP 0

Tên khác (không là tên khoa học): Mỡ đa dụng chịu áp gốc Lithium

Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu
TỔNG CÔNG TY HOÁ DẦU
PETROLIMEX - CTCP
Tầng 18&19, số 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:
Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex - CTCP
Tầng 18&19, số 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.
Tel: 04.38513 205 Fax: 04.38513 207

Mục đích sử dụng: tăng cường khả năng chịu tải nặng và va đập, phụ gia chống ô xy hóa và chống ăn mòn

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

- Sản phẩm này không chứa bất kỳ một thành phần nguy hiểm nào tại ngưỡng hay trên ngưỡng quy định
- OSHA: Sản phẩm này được đảm bảo theo qui tắc 29 của OSHA. Không có thành phần nào có nồng độ đủ lớn cần xếp vào loại độc hại theo quy định.
- DMSO < 3%

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Nguy hiểm về mặt hóa học-vật lý: Không phải chất độc hại, không phải hàng hóa nguy hiểm.

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

- Đường thở:** Nếu hít phải :Đưa nạn nhân ra chỗ thoáng, không khí sạch. Cần chăm sóc y tế.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa:** Rửa miệng bằng nước. Nếu nuốt lượng lớn thì cần gọi chăm sóc y tế. Không cố nôn ra.
- Nếu tiếp xúc với da:** Cởi bỏ ngay quần áo và giày dính bẩn. Rửa ngay vùng da tiếp

xúc với nhiều nước. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Chăm sóc y tế.

4. Tiếp xúc với mắt: Rửa ngay bằng nhiều nước sạch 15 phút. Tháo kính bảo hộ và mở mắt. Chăm sóc y tế.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Các chất dập cháy thích hợp: Nên dùng bột hóa học khô. Có thể sử dụng bình xịt nước hoặc hơi nước. Không sử dụng tia nước, trừ khi được phép.

2. Trang bị bảo hộ lao động dành cho lính cứu hỏa : Theo hướng dẫn chung về phòng cháy chữa cháy tại nơi làm việc.

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỒ, RÒ RỈ

1. Bảo vệ con người: Nếu tràn nhiều, sử dụng thiết bị bảo vệ thích hợp, sử dụng trang bị bảo hộ lao động thích hợp như khẩu trang, găng tay, ủng khi tiến hành làm sạch vết mõi đồ. Cởi bỏ quần áo dính mõi ngay khi có thể. Nếu tràn nhỏ có thể sử dụng găng tay và lau bằng giấy.

2. Phương pháp làm sạch: Xúc sản phẩm bị đổ và cho vào thùng chứa chịu chấn lồng đậm kín để đổ thải bỏ. Hấp thụ phần rò rỉ bằng cát hoặc vật liệu trơ thích hợp khác và thu gom lại. Thải bỏ chất thải theo mục 13.

3. Độc tính hóa học và vật lý: Ở nhiệt độ cao hơi cháy và sản phẩm phân hủy sẽ thoát ra.. Nếu đổ ra đất sẽ gây trơn trượt

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. SỬ DỤNG:

Tránh tiếp xúc với vật liệu bị rò rỉ và loại bỏ bằng đất và nước. Thao tác theo các quy định về vệ sinh an toàn công nghiệp

2. BẢO QUẢN:

Để cách xa tầm với của trẻ em. Đậy chặt thùng chứa. Bảo quản tại nơi mát, ở khu vực thông thoáng.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Về mặt kỹ thuật: Đảm bảo thông thoáng hoặc các biện pháp công nghiệp khác để đảm bảo nồng độ không khí ở nơi liên quan thấp hơn giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

2. Các biện pháp vệ sinh: Rửa tay, khuỷu tay và mặt thật kỹ sau khi sử dụng sản phẩm, trước khi ăn, hút thuốc, trước khi đi vệ sinh và cuối mỗi chu kỳ làm việc

3. Bảo vệ đường hô hấp: Không yêu cầu.

4. Bảo vệ tay: Sử dụng găng tay chịu dầu. Găng tay thích hợp là neoprene, nitrile hay cao su acrylnitilebutadiene, hoặc PVC. Nên thay găng thường xuyên.

5. Bảo vệ mắt: Nguy hiểm khi bắn tóe, sử dụng kính hoặc mặt nạ phòng hộ

5. Bảo vệ da và cơ thể: Mặc quần áo bảo hộ lao động phù hợp

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ	
Trạng thái vật lý: Bán cứng	Điểm sôi ($^{\circ}$ C): Không xác định
Màu sắc: Màu hổ phách	Nhiệt độ nhỏ giọt ($^{\circ}$ C): $>160^{\circ}\text{C}$ (ASTM D566)
Mùi đặc trưng: Mùi dầu	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Không xác định
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không xác định	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Không xác định
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không xác định	Tỷ lệ hoá hơi: Không xác định
Độ hòa tan trong nước: Không tan trong nước	Tỷ trọng tương đối: 0.9
Độ PH: Không xác định	
Tỷ trọng: <1	
PHẦN X. TÍNH ỐN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG	
1. Tính ổn định: Sản phẩm ổn định.	
2. Các điều kiện cần tránh: Quá nhiệt. Tránh tiếp xúc với chất oxi hóa mạnh	
3. Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Các sản phẩm này là các carbon oxide, muối photphat và một số oxit kim loại	
PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH	
1. Các ảnh hưởng và các dấu hiệu :	
2. Đường hô hấp: Ở nhiệt độ bình thường sản phẩm này không nguy hiểm khi hít phải do độ bay hơi thấp của nó. Có thể nguy hiểm khi hít phải hơi, mù hoặc dạng sương phát sinh do sự phân hủy nhiệt	
3. Chú ý khi tiếp xúc với da: Không gây nguy hiểm với da khi tiếp xúc ngắn hoặc không thường xuyên, nhưng tiếp xúc lâu dài và lặp lại có thể dẫn đến viêm da	
4. Chú ý đối với đường tiêu hóa: Hầu như không gây nguy hiểm khi nuốt phải lượng nhỏ, nhưng nuốt phải lượng lớn có thể gây buồn nôn hoặc đi ngoài	
5. Tiếp xúc với mắt: Hầu như chỉ gây căng mắt hoặc đỏ mắt trong thời gian ngắn nếu xảy ra tai nạn tiếp xúc với mắt.	
PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG	

- Về sinh thái:** Nguy hiểm đối với các tổ chức hữu cơ sống trong nước, có thể gây ảnh hưởng xấu và lâu dài đối với các tổ chức hữu cơ sống trong nước
- Tính linh động:** Sản phẩm đồ có thể thấm vào đất, gây ô nhiễm nước
- Mức độ phân hủy:** Sản phẩm có độ phân hủy sinh học chậm.
- Các ảnh hưởng xấu khác:** Chưa có thông tin.

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

- Thông tin quy định tiêu hủy:** Loại bỏ chất thải và cặn theo quy định của địa phương.

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

- Không được xếp vào loại độc hại khi vận chuyển. Thùng chứa sản phẩm phải được đậy nắp chặt, để theo chiều hướng lên trên:

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ LUẬT PHÁP

- Áp dụng theo quy định cụ thể của từng quốc gia

PHẦN XVI. THÔNG TIN KHÁC

- Ngày tháng biên soạn phiếu:** Ngày 10 tháng 01 năm 2015
- Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo:** Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

LƯU Ý NGƯỜI ĐỌC:

- Những thông tin trong phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.
- Hóa chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.
- Các dữ liệu và lời khuyên được đưa ra khi sản phẩm được bán để sử dụng cho một mục đích cụ thể. Không nên sử dụng sản phẩm cho mục đích khác mà không tham khảo ý kiến của PLC.
- Trách nhiệm của người sử dụng là đánh giá và sử dụng sản phẩm này an toàn tuân theo tất cả các quy định. PLC sẽ không có trách nhiệm về bất cứ tai nạn gây ra do việc sử dụng sản phẩm sai với những khuyến cáo hoặc những tai nạn thuộc về bản chất của loại sản phẩm này. Người mua sản phẩm để cung cấp cho nơi sử dụng có trách nhiệm thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất cứ người nào sử dụng đều được cung cấp đầy đủ thông tin có trong tờ thông tin an toàn này.
- Chủ sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo cho người lao động hoặc những người có thể chịu những ảnh hưởng đưa ra trong tờ thông tin này và những chú ý cần thiết

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

PLC GREASE L-EP 1 (Mỡ đa dụng chịu áp gốc Lithium)

Số CAS: Không áp dụng cho hỗn hợp

Số UN: Chưa có thông tin

Số đăng ký EC: Chưa có thông tin

Mã sản phẩm: 0810-070



PETROLIMEX

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

Tên thường gọi: Mỡ PLC GREASE L-EP 1

Tên thương mại: Mỡ PLC GREASE L-EP 1

Tên khác (không là tên khoa học): Mỡ đa dụng chịu áp gốc Lithium

Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu
TỔNG CÔNG TY HOÁ DẦU
PETROLIMEX - CTCP
Tầng 18&19, số 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:
Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex - CTCP
Tầng 18&19, số 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.
Tel: 04.38513 205 Fax: 04.38513 207

Mục đích sử dụng: tăng cường khả năng chịu tải nặng và va đập, phụ gia chống ô xy hóa và chống ăn mòn

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

- Sản phẩm này không chứa bất kỳ một thành phần nguy hiểm nào tại ngưỡng hay trên ngưỡng quy định
- OSHA: Sản phẩm này được đảm bảo theo qui tắc 29 của OSHA. Không có thành phần nào có nồng độ đủ lớn cần xếp vào loại độc hại theo quy định.
- DMSO < 3%

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Nguy hiểm về mặt hóa học-vật lý: Không phải chất độc hại, không phải hàng hóa nguy hiểm.

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

- Đường thở:** Nếu hít phải :Đưa nạn nhân ra chỗ thoáng, không khí sạch. Cần chăm sóc y tế.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa:** Rửa miệng bằng nước. Nếu nuốt lượng lớn thì cần gọi chăm sóc y tế. Không cố nôn ra.
- Nếu tiếp xúc với da:** Cởi bỏ ngay quần áo và giày dính bẩn. Rửa ngay vùng da tiếp

xúc với nhiều nước. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Chăm sóc y tế.

4. Tiếp xúc với mắt: Rửa ngay bằng nhiều nước sạch 15 phút. Tháo kính bảo hộ và mở mắt. Chăm sóc y tế.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Các chất dập cháy thích hợp: Nên dùng bột hóa học khô. Có thể sử dụng bình xịt nước hoặc hơi nước. Không sử dụng tia nước, trừ khi được phép.

2. Trang bị bảo hộ lao động dành cho lính cứu hỏa : Theo hướng dẫn chung về phòng cháy chữa cháy tại nơi làm việc.

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỒ, RÒ RỈ

1. Bảo vệ con người: Nếu tràn nhiều, sử dụng thiết bị bảo vệ thích hợp, sử dụng trang bị bảo hộ lao động thích hợp như khẩu trang, găng tay, ủng khi tiến hành làm sạch vết mõi đồ. Cởi bỏ quần áo dính mõi ngay khi có thể. Nếu tràn nhỏ có thể sử dụng găng tay và lau bằng giấy.

2. Phương pháp làm sạch: Xúc sản phẩm bị đổ và cho vào thùng chứa chịu chấn lồng đậm kín để đổ thải bỏ. Hấp thụ phần rò rỉ bằng cát hoặc vật liệu trơ thích hợp khác và thu gom lại. Thải bỏ chất thải theo mục 13.

3. Độc tính hóa học và vật lý: Ở nhiệt độ cao hơi cháy và sản phẩm phân hủy sẽ thoát ra.. Nếu đổ ra đất sẽ gây trơn trượt

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. SỬ DỤNG:

Tránh tiếp xúc với vật liệu bị rò rỉ và loại bỏ bằng đất và nước. Thao tác theo các quy định về vệ sinh an toàn công nghiệp

2. BẢO QUẢN:

Để cách xa tầm với của trẻ em. Đậy chặt thùng chứa. Bảo quản tại nơi mát, ở khu vực thông thoáng.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Về mặt kỹ thuật: Đảm bảo thông thoáng hoặc các biện pháp công nghiệp khác để đảm bảo nồng độ không khí ở nơi liên quan thấp hơn giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

2. Các biện pháp vệ sinh: Rửa tay, khuỷu tay và mặt thật kỹ sau khi sử dụng sản phẩm, trước khi ăn, hút thuốc, trước khi đi vệ sinh và cuối mỗi chu kỳ làm việc

3. Bảo vệ đường hô hấp: Không yêu cầu.

4. Bảo vệ tay: Sử dụng găng tay chịu dầu. Găng tay thích hợp là neoprene, nitrile hay cao su acrylnitilebutadiene, hoặc PVC. Nên thay găng thường xuyên.

5. Bảo vệ mắt: Nguy hiểm khi bắn tóe, sử dụng kính hoặc mặt nạ phòng hộ

5. Bảo vệ da và cơ thể: Mặc quần áo bảo hộ lao động phù hợp

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ	
Trạng thái vật lý: Bán cứng	Điểm sôi ($^{\circ}$ C): Không xác định
Màu sắc: Màu hổ phách	Nhiệt độ nhỏ giọt ($^{\circ}$ C): $>160^{\circ}\text{C}$ (ASTM D566)
Mùi đặc trưng: Mùi dầu	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Không xác định
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không xác định	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Không xác định
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không xác định	Tỷ lệ hoá hơi: Không xác định
Độ hòa tan trong nước: Không tan trong nước	Tỷ trọng tương đối: 0.9
Độ PH: Không xác định	
Tỷ trọng: <1	
PHẦN X. TÍNH ỐN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG	
1. Tính ổn định: Sản phẩm ổn định.	
2. Các điều kiện cần tránh: Quá nhiệt. Tránh tiếp xúc với chất oxi hóa mạnh	
3. Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Các sản phẩm này là các carbon oxide, muối photphat và một số oxit kim loại	
PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH	
1. Các ảnh hưởng và các dấu hiệu :	
2. Đường hô hấp: Ở nhiệt độ bình thường sản phẩm này không nguy hiểm khi hít phải do độ bay hơi thấp của nó. Có thể nguy hiểm khi hít phải hơi, mù hoặc dạng sương phát sinh do sự phân hủy nhiệt	
3. Chú ý khi tiếp xúc với da: Không gây nguy hiểm với da khi tiếp xúc ngắn hoặc không thường xuyên, nhưng tiếp xúc lâu dài và lặp lại có thể dẫn đến viêm da	
4. Chú ý đối với đường tiêu hóa: Hầu như không gây nguy hiểm khi nuốt phải lượng nhỏ, nhưng nuốt phải lượng lớn có thể gây buồn nôn hoặc đi ngoài	
5. Tiếp xúc với mắt: Hầu như chỉ gây căng mắt hoặc đỏ mắt trong thời gian ngắn nếu xảy ra tai nạn tiếp xúc với mắt.	
PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG	

- Về sinh thái:** Nguy hiểm đối với các tổ chức hữu cơ sống trong nước, có thể gây ảnh hưởng xấu và lâu dài đối với các tổ chức hữu cơ sống trong nước
- Tính linh động:** Sản phẩm đồ có thể thấm vào đất, gây ô nhiễm nước
- Mức độ phân hủy:** Sản phẩm có độ phân hủy sinh học chậm.
- Các ảnh hưởng xấu khác:** Chưa có thông tin.

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

- Thông tin quy định tiêu hủy:** Loại bỏ chất thải và cặn theo quy định của địa phương.

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

- Không được xếp vào loại độc hại khi vận chuyển. Thùng chứa sản phẩm phải được đậy nắp chặt, để theo chiều hướng lên trên:

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ LUẬT PHÁP

- Áp dụng theo quy định cụ thể của từng quốc gia

PHẦN XVI. THÔNG TIN KHÁC

- Ngày tháng biên soạn phiếu:** Ngày 10 tháng 01 năm 2015
- Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo:** Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

LƯU Ý NGƯỜI ĐỌC:

- Những thông tin trong phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.
- Hóa chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.
- Các dữ liệu và lời khuyên được đưa ra khi sản phẩm được bán để sử dụng cho một mục đích cụ thể. Không nên sử dụng sản phẩm cho mục đích khác mà không tham khảo ý kiến của PLC.
- Trách nhiệm của người sử dụng là đánh giá và sử dụng sản phẩm này an toàn tuân theo tất cả các quy định. PLC sẽ không có trách nhiệm về bất cứ tai nạn gây ra do việc sử dụng sản phẩm sai với những khuyến cáo hoặc những tai nạn thuộc về bản chất của loại sản phẩm này. Người mua sản phẩm để cung cấp cho nơi sử dụng có trách nhiệm thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất cứ người nào sử dụng đều được cung cấp đầy đủ thông tin có trong tờ thông tin an toàn này.
- Chủ sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo cho người lao động hoặc những người có thể chịu những ảnh hưởng đưa ra trong tờ thông tin này và những chú ý cần thiết

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

PLC GREASE L-EP2 (Mỡ đa dụng chịu áp gốc Lithium)

Số CAS: Không áp dụng cho hỗn hợp

Số UN: Chưa có thông tin

Số đăng ký EC: Chưa có thông tin

Mã sản phẩm: 0810-100



PETROLIMEX

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

Tên thường gọi: Mỡ PLC GREASE L-EP 2

Tên thương mại: Mỡ PLC GREASE L-EP 2

Tên khác (không là tên khoa học): Mỡ đa dụng chịu áp gốc Lithium

Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu
TỔNG CÔNG TY HOÁ DẦU
PETROLIMEX - CTCP
Tầng 18&19, số 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:
Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex - CTCP
Tầng 18&19, số 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.
Tel: 04.38513 205 Fax: 04.38513 207

Mục đích sử dụng: tăng cường khả năng chịu tải nặng và va đập, phụ gia chống ô xy hóa và chống ăn mòn

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

- Sản phẩm này không chứa bất kỳ một thành phần nguy hiểm nào tại ngưỡng hay trên ngưỡng quy định
- OSHA: Sản phẩm này được đảm bảo theo qui tắc 29 của OSHA. Không có thành phần nào có nồng độ đủ lớn cần xếp vào loại độc hại theo quy định.
- DMSO < 3%

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Nguy hiểm về mặt hóa học-vật lý: Không phải chất độc hại, không phải hàng hóa nguy hiểm.

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Đường thở: Nếu hít phải :Đưa nạn nhân ra chỗ thoáng, không khí sạch. Cần chăm sóc y tế.

2. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Rửa miệng bằng nước. Nếu nuốt lượng lớn thì cần gọi chăm sóc y tế. Không cố nôn ra.

3. Nếu tiếp xúc với da: Cởi bỏ ngay quần áo và giày dính bẩn. Rửa ngay vùng da tiếp

xúc với nhiều nước. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Chăm sóc y tế.

4. Tiếp xúc với mắt: Rửa ngay bằng nhiều nước sạch 15 phút. Tháo kính bảo hộ và mở mắt. Chăm sóc y tế.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Các chất dập cháy thích hợp: Nên dùng bột hóa học khô. Có thể sử dụng bình xịt nước hoặc hơi nước. Không sử dụng tia nước, trừ khi được phép.

2. Trang bị bảo hộ lao động dành cho lính cứu hỏa : Theo hướng dẫn chung về phòng cháy chữa cháy tại nơi làm việc.

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỒ, RÒ RỈ

1. Bảo vệ con người: Nếu tràn nhiều, sử dụng thiết bị bảo vệ thích hợp, sử dụng trang bị bảo hộ lao động thích hợp như khẩu trang, găng tay, ủng khi tiến hành làm sạch vết mõi đồ. Cởi bỏ quần áo dính mõi ngay khi có thể. Nếu tràn nhỏ có thể sử dụng găng tay và lau bằng giấy.

2. Phương pháp làm sạch: Xúc sản phẩm bị đổ và cho vào thùng chứa chịu chấn lồng đậm kín để đổ thải bỏ. Hấp thụ phần rò rỉ bằng cát hoặc vật liệu trơ thích hợp khác và thu gom lại. Thải bỏ chất thải theo mục 13.

3. Độc tính hóa học và vật lý: Ở nhiệt độ cao hơi cháy và sản phẩm phân hủy sẽ thoát ra.. Nếu đổ ra đất sẽ gây trơn trượt

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. SỬ DỤNG:

Tránh tiếp xúc với vật liệu bị rò rỉ và loại bỏ bằng đất và nước. Thao tác theo các quy định về vệ sinh an toàn công nghiệp

2. BẢO QUẢN:

Để cách xa tầm với của trẻ em. Đậy chặt thùng chứa. Bảo quản tại nơi mát, ở khu vực thông thoáng.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Về mặt kỹ thuật: Đảm bảo thông thoáng hoặc các biện pháp công nghiệp khác để đảm bảo nồng độ không khí ở nơi liên quan thấp hơn giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

2. Các biện pháp vệ sinh: Rửa tay, khuỷu tay và mặt thật kỹ sau khi sử dụng sản phẩm, trước khi ăn, hút thuốc, trước khi đi vệ sinh và cuối mỗi chu kỳ làm việc

3. Bảo vệ đường hô hấp: Không yêu cầu.

4. Bảo vệ tay: Sử dụng găng tay chịu dầu. Găng tay thích hợp là neoprene, nitrile hay cao su acrylnitilebutadiene, hoặc PVC. Nên thay găng thường xuyên.

5. Bảo vệ mắt: Nguy hiểm khi bắn tóe, sử dụng kính hoặc mặt nạ phòng hộ

5. Bảo vệ da và cơ thể: Mặc quần áo bảo hộ lao động phù hợp

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ	
Trạng thái vật lý: Bán cứng	Điểm sôi ($^{\circ}$ C): Không xác định
Màu sắc: Màu hổ phách	Nhiệt độ nhỏ giọt ($^{\circ}$ C): $>160^{\circ}\text{C}$ (ASTM D566)
Mùi đặc trưng: Mùi dầu	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Không xác định
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không xác định	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Không xác định
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không xác định	Tỷ lệ hoá hơi: Không xác định
Độ hòa tan trong nước: Không tan trong nước	Tỷ trọng tương đối: 0.9
Độ PH: Không xác định	
Tỷ trọng: <1	
PHẦN X. TÍNH ỐN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG	
1. Tính ổn định: Sản phẩm ổn định.	
2. Các điều kiện cần tránh: Quá nhiệt. Tránh tiếp xúc với chất oxi hóa mạnh	
3. Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Các sản phẩm này là các carbon oxide, muối photphat và một số oxit kim loại	
PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH	
1. Các ảnh hưởng và các dấu hiệu :	
2. Đường hô hấp: Ở nhiệt độ bình thường sản phẩm này không nguy hiểm khi hít phải do độ bay hơi thấp của nó. Có thể nguy hiểm khi hít phải hơi, mù hoặc dạng sương phát sinh do sự phân hủy nhiệt	
3. Chú ý khi tiếp xúc với da: Không gây nguy hiểm với da khi tiếp xúc ngắn hoặc không thường xuyên, nhưng tiếp xúc lâu dài và lặp lại có thể dẫn đến viêm da	
4. Chú ý đối với đường tiêu hóa: Hầu như không gây nguy hiểm khi nuốt phải lượng nhỏ, nhưng nuốt phải lượng lớn có thể gây buồn nôn hoặc đi ngoài	
5. Tiếp xúc với mắt: Hầu như chỉ gây căng mắt hoặc đỏ mắt trong thời gian ngắn nếu xảy ra tai nạn tiếp xúc với mắt.	
PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG	

- Về sinh thái:** Nguy hiểm đối với các tổ chức hữu cơ sống trong nước, có thể gây ảnh hưởng xấu và lâu dài đối với các tổ chức hữu cơ sống trong nước
- Tính linh động:** Sản phẩm đồ có thể thấm vào đất, gây ô nhiễm nước
- Mức độ phân hủy:** Sản phẩm có độ phân hủy sinh học chậm.
- Các ảnh hưởng xấu khác:** Chưa có thông tin.

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

- Thông tin quy định tiêu hủy:** Loại bỏ chất thải và cặn theo quy định của địa phương.

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

- Không được xếp vào loại độc hại khi vận chuyển. Thùng chứa sản phẩm phải được đậy nắp chặt, để theo chiều hướng lên trên:

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ LUẬT PHÁP

- Áp dụng theo quy định cụ thể của từng quốc gia

PHẦN XVI. THÔNG TIN KHÁC

- Ngày tháng biên soạn phiếu:** Ngày 10 tháng 01 năm 2015
- Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo:** Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

LUU Ý NGƯỜI ĐỌC:

- Những thông tin trong phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.
- Hóa chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.
- Các dữ liệu và lời khuyên được đưa ra khi sản phẩm được bán để sử dụng cho một mục đích cụ thể. Không nên sử dụng sản phẩm cho mục đích khác mà không tham khảo ý kiến của PLC.
- Trách nhiệm của người sử dụng là đánh giá và sử dụng sản phẩm này an toàn tuân theo tất cả các quy định. PLC sẽ không có trách nhiệm về bất cứ tai nạn gây ra do việc sử dụng sản phẩm sai với những khuyến cáo hoặc những tai nạn thuộc về bản chất của loại sản phẩm này. Người mua sản phẩm để cung cấp cho nơi sử dụng có trách nhiệm thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất cứ người nào sử dụng đều được cung cấp đầy đủ thông tin có trong tờ thông tin an toàn này.
- Chủ sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo cho người lao động hoặc những người có thể chịu những ảnh hưởng đưa ra trong tờ thông tin này và những chú ý cần thiết

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

PLC GREASE L-EP 3 (Mỡ đa dụng chịu áp gốc Lithium)

Số CAS: Không áp dụng cho hỗn hợp

Số UN: Chưa có thông tin

Số đăng ký EC: Chưa có thông tin

Mã sản phẩm: 0810-105



PETROLIMEX

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

Tên thường gọi: Mỡ PLC GREASE L-EP 3

Tên thương mại: Mỡ PLC GREASE L-EP 3

Tên khác (không là tên khoa học): Mỡ đa dụng chịu áp gốc Lithium

Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu
TỔNG CÔNG TY HOÁ DẦU
PETROLIMEX - CTCP
Tầng 18&19, số 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:
Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex - CTCP
Tầng 18&19, số 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.
Tel: 04.38513 205 Fax: 04.38513 207

Mục đích sử dụng: tăng cường khả năng chịu tải nặng và va đập, phụ gia chống ô xy hóa và chống ăn mòn

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

- Sản phẩm này không chứa bất kỳ một thành phần nguy hiểm nào tại ngưỡng hay trên ngưỡng quy định
- OSHA: Sản phẩm này được đảm bảo theo qui tắc 29 của OSHA. Không có thành phần nào có nồng độ đủ lớn cần xếp vào loại độc hại theo quy định.
- DMSO < 3%

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Nguy hiểm về mặt hóa học-vật lý: Không phải chất độc hại, không phải hàng hóa nguy hiểm.

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Đường thở: Nếu hít phải :Đưa nạn nhân ra chỗ thoáng, không khí sạch. Cần chăm sóc y tế.

2. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Rửa miệng bằng nước. Nếu nuốt lượng lớn thì cần gọi chăm sóc y tế. Không cố nôn ra.

3. Nếu tiếp xúc với da: Cởi bỏ ngay quần áo và giày dính bẩn. Rửa ngay vùng da tiếp

xúc với nhiều nước. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Chăm sóc y tế.

4. Tiếp xúc với mắt: Rửa ngay bằng nhiều nước sạch 15 phút. Tháo kính bảo hộ và mở mắt. Chăm sóc y tế.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Các chất dập cháy thích hợp: Nên dùng bột hóa học khô. Có thể sử dụng bình xịt nước hoặc hơi nước. Không sử dụng tia nước, trừ khi được phép.

2. Trang bị bảo hộ lao động dành cho lính cứu hỏa : Theo hướng dẫn chung về phòng cháy chữa cháy tại nơi làm việc.

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỒ, RÒ RỈ

1. Bảo vệ con người: Nếu tràn nhiều, sử dụng thiết bị bảo vệ thích hợp, sử dụng trang bị bảo hộ lao động thích hợp như khẩu trang, găng tay, ủng khi tiến hành làm sạch vết mõi đồ. Cởi bỏ quần áo dính mõi ngay khi có thể. Nếu tràn nhỏ có thể sử dụng găng tay và lau bằng giấy.

2. Phương pháp làm sạch: Xúc sản phẩm bị đổ và cho vào thùng chứa chịu chất lỏng đậm kín để đổ thải bỏ. Hấp thụ phần rò rỉ bằng cát hoặc vật liệu trơ thích hợp khác và thu gom lại. Thải bỏ chất thải theo mục 13.

3. Độc tính hóa học và vật lý: Ở nhiệt độ cao hơi cháy và sản phẩm phân hủy sẽ thoát ra.. Nếu đổ ra đất sẽ gây trơn trượt

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. SỬ DỤNG:

Tránh tiếp xúc với vật liệu bị rò rỉ và loại bỏ bằng đất và nước. Thao tác theo các quy định về vệ sinh an toàn công nghiệp

2. BẢO QUẢN:

Để cách xa tầm với của trẻ em. Đậy chặt thùng chứa. Bảo quản tại nơi mát, ở khu vực thông thoáng.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Về mặt kỹ thuật: Đảm bảo thông thoáng hoặc các biện pháp công nghiệp khác để đảm bảo nồng độ không khí ở nơi liên quan thấp hơn giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

2. Các biện pháp vệ sinh: Rửa tay, khuỷu tay và mặt thật kỹ sau khi sử dụng sản phẩm, trước khi ăn, hút thuốc, trước khi đi vệ sinh và cuối mỗi chu kỳ làm việc

3. Bảo vệ đường hô hấp: Không yêu cầu.

4. Bảo vệ tay: Sử dụng găng tay chịu dầu. Găng tay thích hợp là neoprene, nitrile hay cao su acrylnitilebutadiene, hoặc PVC. Nên thay găng thường xuyên.

5. Bảo vệ mắt: Nguy hiểm khi bắn tóe, sử dụng kính hoặc mặt nạ phòng hộ

5. Bảo vệ da và cơ thể: Mặc quần áo bảo hộ lao động phù hợp

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ	
Trạng thái vật lý: Bán cứng	Điểm sôi ($^{\circ}$ C): Không xác định
Màu sắc: Màu hổ phách	Nhiệt độ nhỏ giọt ($^{\circ}$ C): $>160^{\circ}\text{C}$ (ASTM D566)
Mùi đặc trưng: Mùi dầu	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Không xác định
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không xác định	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Không xác định
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không xác định	Tỷ lệ hoá hơi: Không xác định
Độ hòa tan trong nước: Không tan trong nước	Tỷ trọng tương đối: 0.9
Độ PH: Không xác định	
Tỷ trọng: <1	
PHẦN X. TÍNH ỐN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG	
1. Tính ổn định: Sản phẩm ổn định.	
2. Các điều kiện cần tránh: Quá nhiệt. Tránh tiếp xúc với chất oxi hóa mạnh	
3. Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Các sản phẩm này là các carbon oxide, muối photphat và một số oxit kim loại	
PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH	
1. Các ảnh hưởng và các dấu hiệu :	
2. Đường hô hấp: Ở nhiệt độ bình thường sản phẩm này không nguy hiểm khi hít phải do độ bay hơi thấp của nó. Có thể nguy hiểm khi hít phải hơi, mù hoặc dạng sương phát sinh do sự phân hủy nhiệt	
3. Chú ý khi tiếp xúc với da: Không gây nguy hiểm với da khi tiếp xúc ngắn hoặc không thường xuyên, nhưng tiếp xúc lâu dài và lặp lại có thể dẫn đến viêm da	
4. Chú ý đối với đường tiêu hóa: Hầu như không gây nguy hiểm khi nuốt phải lượng nhỏ, nhưng nuốt phải lượng lớn có thể gây buồn nôn hoặc đi ngoài	
5. Tiếp xúc với mắt: Hầu như chỉ gây căng mắt hoặc đỏ mắt trong thời gian ngắn nếu xảy ra tai nạn tiếp xúc với mắt.	
PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG	

- Về sinh thái:** Nguy hiểm đối với các tổ chức hữu cơ sống trong nước, có thể gây ảnh hưởng xấu và lâu dài đối với các tổ chức hữu cơ sống trong nước
- Tính linh động:** Sản phẩm đồ có thể thấm vào đất, gây ô nhiễm nước
- Mức độ phân hủy:** Sản phẩm có độ phân hủy sinh học chậm.
- Các ảnh hưởng xấu khác:** Chưa có thông tin.

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

- Thông tin quy định tiêu hủy:** Loại bỏ chất thải và cặn theo quy định của địa phương.

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

- Không được xếp vào loại độc hại khi vận chuyển. Thùng chứa sản phẩm phải được đậy nắp chặt, để theo chiều hướng lên trên:

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ LUẬT PHÁP

- Áp dụng theo quy định cụ thể của từng quốc gia

PHẦN XVI. THÔNG TIN KHÁC

- Ngày tháng biên soạn phiếu:** Ngày 10 tháng 01 năm 2015
- Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo:** Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

LƯU Ý NGƯỜI ĐỌC:

- Những thông tin trong phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.
- Hóa chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.
- Các dữ liệu và lời khuyên được đưa ra khi sản phẩm được bán để sử dụng cho một mục đích cụ thể. Không nên sử dụng sản phẩm cho mục đích khác mà không tham khảo ý kiến của PLC.
- Trách nhiệm của người sử dụng là đánh giá và sử dụng sản phẩm này an toàn tuân theo tất cả các quy định. PLC sẽ không có trách nhiệm về bất cứ tai nạn gây ra do việc sử dụng sản phẩm sai với những khuyến cáo hoặc những tai nạn thuộc về bản chất của loại sản phẩm này. Người mua sản phẩm để cung cấp cho nơi sử dụng có trách nhiệm thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất cứ người nào sử dụng đều được cung cấp đầy đủ thông tin có trong tờ thông tin an toàn này.
- Chủ sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo cho người lao động hoặc những người có thể chịu những ảnh hưởng đưa ra trong tờ thông tin này và những chú ý cần thiết